

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ THIỆU TRUNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨ VIỆT
Độc lập - tự do - hạnh phúc

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ TIỀN ĐIỆN CHO ĐỐI TƯỢNG BẢO TRỢ XÃ HỘI QUÝ 2

STT	Họ và tên chủ hộ	Họ và tên đối tượng chính sách	Thôn/tiểu khu	3 tháng quý 2			Tổng số tiền được hỗ trợ
				4	5	6	
0	Nguyễn Hữu Hai	Nguyễn Thị Sánh	Thôn 1 Nguyệt Lăng	64,000		64,000	128,000
2	Nguyễn Thăng Hải	Lê Thị Dung	Thôn 1 Nguyệt Lăng	64,000	64,000	64,000	192,000
3	Nguyễn Doãn Đồng	Nguyễn Doãn Đồng	Thôn 1 Nguyệt Lăng	64,000	64,000	64,000	192,000
4	Nguyễn Thị Huyền	Nguyễn Thị Thành	Thôn 1 Nguyệt Lăng	64,000	64,000		128,000
5	Trương Thị Nga	Trương Thị Nga	Thôn 2 Nguyệt Lăng	64,000	64,000	64,000	192,000
6	Nguyễn Thăng Giàu	Nguyễn Thăng Giàu	Thôn 2 Nguyệt Lăng	64,000	64,000	64,000	192,000
7	Nguyễn Đình Hùng	Nguyễn Đình Hùng	Thôn 4 Hồ Đàm	64,000	64,000	64,000	192,000
8	Nguyễn Đình Sáu	Nguyễn Thị Lân	Thôn 4 Hồ Đàm	64,000	64,000		128,000
9	Nguyễn Thị Phương	Nguyễn Thị Phương	Thôn 4 Hồ Đàm	64,000	64,000	64,000	192,000
10	Trịnh Thị Thảo	Trịnh Thị Thảo	Thôn 4 Hồ Đàm	64,000	64,000	64,000	192,000
11	Lê Đình Tiểu	Lê Thị Khương	Thôn 5 Mỹ Lý	64,000	64,000	64,000	192,000
12	Lê Đình Hưng	Lê Đình Hưng	Thôn 5 Mỹ Lý	64,000	64,000		128,000
13	Lê Đình Thạo	Lê Đình Thạo	Thôn 7 Mỹ Lý	64,000	64,000		128,000
14	Lê Thị Thắng	Lê Thị Thắng	Thôn 7 Mỹ Lý		64,000	64,000	128,000
15	Lê Đình Dũng	Lê Thị Hòa	Thôn 7 Mỹ Lý	64,000	64,000	64,000	192,000
16	Lê Đình Hoàng	Lê Thị Huế	Thôn 7 Mỹ Lý	64,000	64,000	64,000	192,000
17	Lê Đình Xuân	Lê Đình Xuân	Thôn 1 PL bắc	64,000	64,000	64,000	192,000
18	Lê Đình Nghiệm	Lê Đình Nghiệm	Thôn 1 PL bắc	64,000	64,000		128,000
19	Phạm Văn Đồn	Phạm Văn Đồn	Thôn 1 PL bắc	64,000	64,000	64,000	192,000

20	Lê Thị Nguyệt	Lê Thị Nguyệt	Thôn 2 PL Bắc	64,000	64,000		128,000
21	Vũ Thanh Bình	Vũ Đình Bình	Thôn 5 Trà Đông	64,000	64,000	64,000	192,000
22	Vũ Thị Ngọc	Vũ Thị Ngọc	Thôn 6 Trà Đông	64,000	64,000	64,000	192,000
23	Hà Khắc Tư	Hà Khắc Tư	Thôn Quy xá	64,000	64,000	64,000	192,000
24	Đặng Bá Thắng	Đặng Bá Thắng	Thôn Quy xá	64,000	64,000	64,000	192,000
25	Đặng Bá Thông	Cao Thị Nở	Thôn Quy xá	64,000	64,000	64,000	192,000
26	Nguyễn Thị Tom	Cao Thị Tom	Thôn Quy xá	64,000	64,000	64,000	192,000
27	Tô Vinh Thiệu	Trần Thị Nhung	Thôn Quy xá	64,000	64,000	64,000	192,000
28	Hà Khả Huệ	Nguyễn Thị Thảo	Thôn Quy xá	64,000	64,000	64,000	192,000
29	Hà Khả Dân	Tô Thị Xuân	Thôn Quy xá	64,000	64,000	64,000	192,000
30	Nguyễn Khắc Tấn	Tô Thị Thiên Lý	Thôn Quy xá		64,000	64,000	128,000
31	Vũ Thị Năm	Vũ Thị Năm	Thôn Lạc Đô	64,000	64,000	64,000	192,000
32	Vũ Đình Giai	Vũ Đình Giai	Thôn Lạc Đô		64,000	64,000	128,000
33	Nguyễn Thị Thảo	Nguyễn Thị Thảo	Thôn Lạc Đô	64,000	64,000	64,000	192,000
34	Nguyễn Xuân Mạnh	Nguyễn Thị Niên	Thôn 1 Nguyệt Quang	64,000	64,000	64,000	192,000
35	Lê Thị Đạo	Lê Thị Đạo	Thôn 2 Nguyệt Quang	64,000		64,000	128,000
36	Lê Bá Thi	Lê Bá Thi	Thôn 3 Viên Nội	64,000	64,000	64,000	192,000
37	Lê Thị Hoa	Lê Thị Hoa	Thôn 4 Viên Nội	64,000	64,000	64,000	192,000
38	Nguyễn Thị Vui	Nguyễn Thị Vui	Thôn 3 Viên Nội	64,000	64,000	64,000	192,000
39	Phạm Đình Tự	Phạm Đình Tự	Thôn 5 Viên Ngoại	64,000	64,000	64,000	192,000
40	Bùi Công Nhất	Bùi Công Nhất	Thôn 5 Viên Ngoại	64,000	64,000	64,000	192,000
41	Hoàng Thị Ngoại	Hoàng Thị Ngoại	Thôn 6 Phú Thứ	64,000			64,000
42	Nguyễn Đình Đàn	Nguyễn Đình Đàn	Thôn 6 Phú Thứ	64,000		64,000	128,000
43	Nguyễn Thọ Mạnh	Hà Thị Khuyến	Thôn 7 Phú Thứ	64,000	64,000	64,000	192,000
44	Bùi Thị Ninh	Bùi Thị Ninh	Thôn 7 Phú Thứ		64,000	64,000	128,000
45	Bùi Thị Cẩn	Bùi Thị Cẩn	Thôn 7 Phú Thứ	64,000	64,000	64,000	192,000
	Tổng cộng			41	41	38	7,680,000

NAM

/2026

[illegible]

[illegible]

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ THIỆU TRUNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨ VIỆT NAM
Độc lập - tự do - hạnh phúc

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ TIỀN ĐIỆN CHO ĐỐI TƯỢNG HỘ NGHÈO QUÝ 2/2026

STT	Họ và tên chủ hộ	Sinh năm	Thôn/tiểu khu	3 tháng quý 2			Tổng số tiền được hỗ trợ
				4	5	6	
1	Tạ Văn Tính	10/06/1975	Khu phố 7	64,000	64,000	64,000	192,000
2	Lê Thị Bích	10/03/1968	Khu phố 12	64,000	64,000	64,000	192,000
3	Nguyễn Xuân Thúc	10/05/1973	Thôn 4 PL Trung	64,000	64,000	64,000	192,000
4	Nguyễn Thị Húng	02/04/1968	Thôn 2 Vận Quy	64,000	64,000	64,000	192,000
	Tổng cộng			4	4	4	768,000

ký nhận